

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày 31-12-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 732/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1982; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố C, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* anh Đỗ Chí K, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố H, phường T, thị xã Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Chị và anh K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là phường T). Sau

khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh K tại khu phố H, phường T, thị xã Trảng Bàng, vợ chồng cùng làm công nhân, kinh tế độc lập với gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011 đến nay, nguyên nhân là do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K đến Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, khoảng 01 đến 02 tuần mới về nhà một lần nên tình cảm của vợ chồng cũng phai nhạt, thường xuyên gây gổ nhau. Đến năm 2013 thì chị trở về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng cũng đã tự ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh K không ai đặt vấn đề đoàn tụ, cha mẹ hai bên có hòa giải nhưng vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Đỗ Nguyễn P, sinh ngày 06-9-2009, hiện đang theo sống cùng với chị. Cháu P rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Đỗ Chí K đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh K vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh K.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng G đối với anh Đỗ Chí K. Chị G được ly hôn anh K.

Về con chung: giao chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Nguyễn P, sinh ngày 06-9-2009. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị G và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Hồng G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Chí K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị G và anh K chung sống với nhau năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là phường T), thị xã Trảng Bàng. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G trình bày là do tính tình vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, thường xuyên vắng nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau, thường xuyên gây gổ nhau và đã tự ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị G yêu cầu được ly hôn anh K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh K nhiều lần nhưng anh K đều vắng mặt, cho thấy anh K không có thiện chí hàn gắn cùng chị G. Kết quả xác minh tại địa phương và mẹ ruột của anh K thể hiện vợ, chồng chị G thường xuyên gây gổ nhau do anh K đi làm xa, thỉnh thoảng có uống rượu về gây gổ với chị G, đến năm 2013 thì chị G về nhà mẹ ruột sinh sống và anh K vẫn tiếp tục đi làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 01-02 tuần thì về nhà một lần, không chung sống cùng chị G. Mặt khác, chị G xác định không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với anh K, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị G và anh K đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh K, cho chị G được ly hôn anh K là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Đỗ Nguyễn P, sinh ngày 06-9-2009 hiện đang theo sống cùng chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, từ khi chị G

và anh K ly thân, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu phát triển rất tốt về thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu P có nguyện vọng được theo sống cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí:

Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng G đối với anh Đỗ Chí K.

Chị Nguyễn Thị Hồng G được ly hôn anh Đỗ Chí K.

2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Nguyễn P, sinh ngày 06-9-2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị G và anh K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0014972 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị G, anh K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Minh Thư**